

Số: 174/TB-TQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2023**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ KINH DOANH QUỐC TẾ (MIB)**  
**DO ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CẤP BẰNG**

**I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Chuyên ngành đào tạo:* **Kinh doanh quốc tế**
- Thời gian đào tạo:* 24 tháng, gồm 18 tháng học trên lớp (Học ngoài giờ hành chính) và 6 tháng làm luận văn tốt nghiệp
- Ngôn ngữ đào tạo:* Tiếng Việt & Tiếng Anh
- Mô hình đào tạo:* Học toàn phần tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN
- Văn bằng:* **Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế** do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.  
(tiếng Anh: **Master in International Business**)
- Chỉ tiêu tuyển sinh:* 15 học viên/khóa
- Văn bản pháp lý:* Quyết định số 4242/QĐ-ĐHQGHN ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc ĐHQGHN về việc phê duyệt Đề án đào tạo chất lượng cao theo đặc thù đơn vị đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Nội dung đào tạo:* Chương trình bao gồm 17 học phần và luận văn tốt nghiệp
- Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **64 tín chỉ**
- Trong đó:
- Khối kiến thức chung: **8 tín chỉ**
  - Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **47 tín chỉ**
    - + *Bắt buộc*: 26 tín chỉ
    - + *Tự chọn*: 21 tín chỉ
  - Khối kiến thức tốt nghiệp (luận văn thạc sĩ): **9 tín chỉ**

Khung chương trình đào tạo Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Tổng	Lí thuyết	Thực hành	Tự học		
<b>I.</b>		<b>Khối kiến thức chung (8 tín chỉ)</b>							
1	PHI 5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	31	23	6	Tiếng Việt	
2	INS 5001	Tiếng Anh chuyên ngành <i>English for specific purposes</i>	4 <sup>[1]</sup>	60	21	31	8	Tiếng Anh	
<b>II</b>		<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (47 tín chỉ)</b>							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Tổng	Lí thuyết	Thực hành	Tự học		
<b>II.1</b>		<b>Khối kiến thức cơ sở (18 tín chỉ)</b>							
		<i>Các học phần bắt buộc (9 tín chỉ)*[2]</i>							
3	INS 6010	Môi trường kinh doanh quốc tế <i>International Business Environment</i>	3	45	28	17	0		Tiếng Việt
4	INS 6011	Luật pháp trong kinh doanh quốc tế <i>Laws on International Business</i>	3	45	28	17	0		Tiếng Việt
5	INS 6012	Quản trị kinh doanh quốc tế <i>International Business Management</i>	3	45	28	17	0		Tiếng Anh
		<i>Các học phần lựa chọn (9/15 tín chỉ)</i>							
6	INS 6013	Quản trị đổi mới trong môi trường toàn cầu <i>Managing Innovation in the Global Context</i>	3	45	25	17	3	INS 6010	Tiếng Anh
7	INS 6014	Hành vi tổ chức & Lãnh đạo <i>Organizational Behavior and Leadership</i>	3	45	22	20	3	INS 6012	Tiếng Việt
8	INS 6015	Các vấn đề marketing quốc tế <i>International Marketing Issues</i>	3	45	30	15	0	INS 6010	Tiếng Việt
9	INS 6016	Đạo đức & Trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế <i>Corporate Social Responsibility and Ethics in International Business</i>	3	45	28	17	0	INS 6010	Tiếng Việt
10	INS 6017	Hệ thống kinh doanh đối sánh & Quản trị đa văn hoá <i>Comparative Business Systems and Cross Cultural Management</i>	3	45	36	9	0	INS 6012	Tiếng Anh
<b>II.2</b>		<b>Khối kiến thức chuyên ngành (29 tín chỉ) *[2]</b>							
		<i>Các học phần bắt buộc (17 tín chỉ)</i>							
11	INS 7011	Tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	3	45	35	10	0	INS 6010	Tiếng Anh
12	INS 7012	Phân tích & Phát triển dự án quốc tế <i>International Project Development &amp; Analysis</i>	3	45	30	15	0	INS 6012	Tiếng Anh

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Tổng	Lí thuyết	Thực hành	Tự học		
13	INS 7013	Quản trị và vận hành thương mại quốc tế <i>International Trade Operations and Management</i>	3	45	22	20	3	INS 6012	Tiếng Anh
14	INS 7014	Chuyên đề về các vấn đề đương đại trong Kinh doanh quốc tế <i>Seminar on Contemporary Issues in International Business</i>	4	60	8	36	16	INS 6010 & INS 6012	Tiếng Việt
15	INS 7015	Thị trường & định chế tài chính quốc tế <i>International Financial Markets &amp; Institutions</i>	4	60	47	13	0	INS 7011	Tiếng Anh
<b>Các học phần lựa chọn (12/30 tín chỉ)</b>									
16	INS 7016	Quản trị chiến lược quốc tế nâng cao <i>Advanced International Strategic Management</i>	3	45	32	13	0	INS 6012	Tiếng Việt
17	INS 7017	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu nâng cao <i>Advanced Global Supply Chain Management</i>	3	45	34	11	0	INS 6012	Tiếng Việt
18	INS 7018	Marketing kỹ thuật số <i>Digital Marketing</i>	3	45	32	13	0	INS 6010	Tiếng Việt
19	INS 7019	Truyền thông marketing tích hợp <i>Integrated Marketing Communications</i>	3	45	30	15	0	INS 6010	Tiếng Việt
20	INS 7020	Quản trị rủi ro quốc tế <i>International Risk Management</i>	3	45	26	19	0	INS 6012	Tiếng Việt
21	INS 7021	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế nâng cao <i>Advanced International Human Resource Management</i>	3	45	31	14	0	INS 6012	Tiếng Việt
22	INS 7022	Mua lại và sáp nhập doanh nghiệp trong thị trường toàn cầu <i>Mergers &amp; Acquisitions in the Global Market</i>	3	45	30	15	0	INS 6012	Tiếng Anh
23	INS 7023	Công ty đa quốc gia và chuyển giao công nghệ <i>Multinationals and Technology Transfer</i>	3	45	33	12	0	INS 6010	Tiếng Việt

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Tổng	Lí thuyết	Thực hành	Tự học		
24	INS 7024	Khởi nghiệp trong môi trường toàn cầu <i>Entrepreneurship in a Global Context</i>	3	45	35	10	0	INS 6012	Tiếng Việt
<b>III.</b>		<b>Khối kiến thức tốt nghiệp (9 tín chỉ)</b>							
25	INS 7201	Luận văn tốt nghiệp <i>Dissertation</i>	9	135	0	135	0		Tiếng Anh
<b>Tổng</b>			<b>64</b>						

**Ghi chú:**

\*[1] Học phần tiếng Anh chuyên ngành gồm 4 tín chỉ. Kết quả đánh giá học phần này không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo;

**II. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ HỌC PHÍ****1. Điều kiện tuyển thẳng:****1.1. Điều kiện về văn bằng đại học:**

Tốt nghiệp đại học chính quy loại Khá các ngành đúng và phù hợp, bao gồm Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh, Kinh tế phát triển, trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

**1.2. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh):**

Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ (quy định tại mục 2.3 của Thông báo này) tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

**1.3. Quy định về điểm thưởng**

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:

(i) Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.

(ii) Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.

- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm;

- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

**2. Điều kiện xét tuyển:****2.1. Điều kiện về văn bằng đại học**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp: Kinh doanh quốc tế/Quản trị kinh doanh quốc tế/Quản trị kinh doanh/Marketing/Kinh doanh thương mại/Thương mại điện tử hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh doanh quốc tế/Quản trị kinh doanh quốc tế/Quản trị kinh doanh/Marketing/Kinh doanh thương mại/Thương mại điện tử.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kinh doanh quốc tế/Quản trị kinh doanh quốc tế/Quản trị kinh doanh/Marketing/Kinh doanh thương mại/Thương mại điện tử và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

+ Các ngành gần bao gồm: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh doanh quốc tế/Quản trị kinh doanh quốc tế/Quản trị kinh doanh/Marketing/Kinh doanh thương mại/Thương mại điện tử); Kinh tế quốc tế; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán.

Bổ sung kiến thức: Ứng viên tốt nghiệp đại học các ngành gần cần hoàn thành học bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ), cụ thể như sau:

+ Kinh tế học	3 tín chỉ
+ Kinh tế quốc tế	3 tín chỉ
+ Nguyên lí Quản trị kinh doanh	3 tín chỉ
+ Nguyên lí Marketing	3 tín chỉ
+ Tài chính quốc tế	3 tín chỉ

**Ghi chú:** Ứng viên thuộc diện phải học bổ túc kiến thức được miễn các học phần đã học ở bậc đại học có số tín chỉ tương đương (được thể hiện trong bảng điểm).

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác sẽ được Hội đồng TSSĐH và Hội đồng chuyên môn xem xét trong từng trường hợp cụ thể nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: giấy xác nhận kinh nghiệm/hợp đồng lao động thể hiện công tác ở lĩnh vực kinh tế có liên quan tối thiểu là 5 năm; chứng chỉ đào tạo ở các lĩnh vực kinh tế có liên quan tối thiểu 01 chứng chỉ hoặc bài viết đăng báo trong lĩnh vực kinh tế có liên quan tối thiểu 01 bài (có thể là tác giả hoặc đồng tác giả).

Học bổ sung kiến thức: Ứng viên tốt nghiệp đại học các ngành khác cần hoàn thành học bổ sung kiến thức gồm 6 học phần (19 tín chỉ), cụ thể như sau:

+ Kinh tế học	3 tín chỉ
+ Kinh tế quốc tế	3 tín chỉ
+ Nguyên lí Quản trị kinh doanh	3 tín chỉ
+ Nguyên lí Marketing	3 tín chỉ
+ Tài chính quốc tế	3 tín chỉ
+ Nguyên lý kế toán	4 tín chỉ

**Ghi chú:** Ứng viên thuộc diện phải học bổ túc kiến thức được miễn các học phần đã học ở bậc đại học có số tín chỉ tương đương (được thể hiện trong bảng điểm).

## 2.2. Điều kiện về kinh nghiệm công tác

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên và không thuộc diện bổ sung kiến thức: không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại Khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức: yêu cầu ít nhất 18 tháng kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, quản trị kinh doanh quốc tế, quản trị kinh doanh.

### **2.3. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh)**

Ứng viên phải đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây:

(i) Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi nhập học được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận (27 đơn vị) hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương khác (còn trong thời hạn có giá trị) theo quy định: IELTS (4.5), TOELF iBT (42), Cambridge (A2 Key 140, B1 Preliminary 140, B2 First 140, B1 Business Preliminary 140, B2 Business Vantage 140);

Và có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi bắt đầu học các học phần chuyên môn (khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành) được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận (27 đơn vị) hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương khác (còn trong thời hạn có giá trị theo quy định: IELTS (5.5), TOEFL iBT (72), Cambridge (B1 Preliminary 160, B2 First 160, C1 Advanced 160, B1 Business Preliminary 160, B2 Business Vantage 160, C1 Business Higher 160).

(ii) Có bằng đại học một trong các loại sau: ngành tiếng Anh; chương trình tiên tiến học bằng tiếng Anh theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam; bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận; chương trình song bằng học bằng tiếng Anh có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng; chương trình đào tạo chuẩn quốc tế học bằng tiếng Anh, chương trình đào tạo tài năng, chương trình đào tạo chất lượng cao học bằng tiếng Anh của Đại học Quốc gia Hà Nội;

(iii) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong học tập là tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

(iv) Ứng viên đã tốt nghiệp Trường Quốc tế được miễn chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) khi đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo sau đại học của Trường nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

a. Chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường Quốc tế yêu cầu điều kiện ngoại ngữ đầu vào tối thiểu là tiếng Anh tương đương bậc 4/6 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) và sử dụng tiếng Anh trong suốt quá trình đào tạo chuyên môn tại Trường.

b. Thí sinh tốt nghiệp bậc đại học của Trường Quốc tế trong thời hạn 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển đào tạo sau đại học vào Trường.

(v) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đề dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học;

(vi) Ứng viên là người nước ngoài mà tiếng Anh là bản ngữ hoặc một trong các ngôn ngữ chính.

**Ghi chú:** Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

### 3. Hồ sơ dự tuyển :

- Đơn xin nhập học (theo mẫu);
- Sơ yếu lí lịch;
- Bản sao Bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học;
- Chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu;
- Xác nhận kinh nghiệm công tác hoặc hợp đồng lao động đối với ứng viên cần đáp ứng yêu cầu này;
- Giấy khám sức khỏe;
- Bản sao căn cước công dân;
- Bản sao giấy khai sinh;
- Thư giới thiệu (nếu có);
- 04 ảnh 3x4.

### 4. Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:

Thời gian	Đợt 1 (Dự kiến)	Đợt 2 (Dự kiến)
Nộp hồ sơ	8h00 ngày 01/03/2023 đến 17h00 ngày 14/04/2023	8h00 ngày 22/5/2023 đến 17h00 ngày 30/8/2023
Xét tuyển thẳng	Trước 17h00 ngày 21/4/2023	Trước 17h00 ngày 08/9/2023
Phỏng vấn đầu vào	Trước ngày 15/5/2023	Trước ngày 18/09/2023
Nhập học	Tháng 6/2023	Tháng 10/2023

Ứng viên đăng ký xét tuyển tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> (công đăng kí tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN) và thực hiện phỏng vấn đầu vào.

**5. Lệ phí xét tuyển:** 800.000 VND (nộp cùng hồ sơ đăng kí dự tuyển và không thu thêm bất kì lệ phí khác)

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tiếp tại Trường Quốc tế hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Trường Quốc tế - ĐHQGHN theo thông tin sau:

- Tên tài khoản: **Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội**

- Số tài khoản: **0711 000 305888**

- Ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh**

**Thanh Xuân**

- Nội dung chuyển tiền ghi rõ: **Họ tên thí sinh, ngày sinh, ngành ứng tuyển**

**6. Học phí:**

- Học phí năm học 2023 - 2024 là 52.875.000 VNĐ (Năm mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Lộ trình tăng học phí hàng năm tối đa là 12,5% so với năm học trước (theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính Phủ).

- Mức học phí trên không bao gồm kinh phí học bổ sung, chuyển đổi kiến thức, phí thi lại, phí học lại, phí gia hạn thời gian, phí bảo vệ luận án,... (khi học viên không đảm bảo đúng tiến độ, điều kiện và chất lượng của chương trình đào tạo);

**Thông tin liên hệ:**

**Văn phòng tuyển sinh Sau đại học, Trường Quốc tế - ĐHQGHN**

Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: (024) 367 20 999

**Hotline: 0984 08 11 66**

Website: [www.is.vnu.edu.vn](http://www.is.vnu.edu.vn)

Email: [tuyensinhthacsi@vnuis.edu.vn](mailto:tuyensinhthacsi@vnuis.edu.vn)

**Nơi nhận:**

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Website Trường Quốc tế;
- HẾTTS SĐH (để thực hiện);
- Lưu: VT, SĐH, Q5





**Phụ lục 1**  
**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4**  
**theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)*

**Tiếng Anh**

<b>Khung năng lực ngoại ngữ VN</b>	<b>IELTS</b>	<b>TOEFL</b>	<b>Cambridge Exam</b>	<b>Vietnamese Standardized Test of English Proficiency</b>
Bậc 3	4.5	42 iBT	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

## Phụ lục 2

### Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

#### 1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
1	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√	√	√	√
2	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√			
3	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√				
4	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√				
5	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√						
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√							
7	Đại học Bách khoa Hà Nội	√							
8	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	√							
9	ĐH Thái Nguyên	√							
10	Trường ĐH Cần Thơ	√							
11	Trường Đại học Nam Cần Thơ	√							
12	Trường ĐH Vinh	√							
13	Học viện An ninh nhân dân	√							
14	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	√							
15	Trường Đại học Thương mại	√							

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
16	Trường Đại học Ngoại thương	√							
17	Học viện Khoa học quân sự	√							
18	Học viện Cảnh sát nhân dân	√							
19	Trường Đại học Quy Nhơn	√							
20	Trường Đại Học Tây Nguyên	√							
21	Trường Đại học Sài Gòn	√							
22	Trường Đại học Văn Lang	√							
23	Trường Đại học Trà Vinh	√							
24	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	√							
25	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM	√							
26	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	√							
27	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	√							

*Ghi chú: (\*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.*

## 2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam
1	Educational Testing Service (ETS)		√	√	
2	British Council (BC)	√			
3	International Development Program (IDP)	√			
4	Cambridge ESOL	√			√